TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày: 18/ 4/ 2019
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"
"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và ông La Minh Tường.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Ngưỡng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/TLPT-DS ngày 08/01/2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐ-PT ngày 01/03/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đoàn X, sinh năm 1987. Địa chỉ: Đội 3, thôn Vinh S, xã Lộc S, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 02, thôn Tây T, xã Phú T, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Đội 3, thôn Vinh S, xã Lộc S, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Anh Hồ Đắc P, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ 02, thôn Tây T, xã Phú T, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn anh Đoàn X trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh V trước đây là hàng xóm của nhau. Vào tháng 02/2016, chị V vay của anh số tiền là 100.000.000 đồng để đưa cho mẹ của chị V xây nhà. Sau đó, mẹ của chị V đã đưa cho anh X số tiền là 3.000.000 đồng/tháng vào các tháng 3, 4, 5/2016, số tiền này không phải là tiền lãi mà là tiền cho anh X để mua sữa cho các con. Đến tháng 9/2016, chị V tiếp tục mượn của anh số tiền là 50.000.000 đồng. Tổng cộng chị V đã mượn của anh số tiền là 150.000.000 đồng, ngày 22/6/2016 chị V viết giấy vay tiền của anh X với tổng số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 5.000.000 đồng/tháng. Vào ngày 20/7/2016, chị V có mượn của bà Trần Thị S (mẹ của anh X) số tiền là 50.000.000 đồng và bà S cho anh X số tiền mà chị V vay của bà S. Do đó, vào ngày 17/8/2017, chị V đã viết giấy mượn tiền của anh X với tổng số tiền là 200.000.000 đồng và hẹn ngày 23/8/2017 sẽ trả hết số tiền nợ này cho anh X, đến thời hạn trả nợ nhưng chị V không trả nên anh X đã khởi kiện yêu cầu chị V phải trả số tiền 200.000.000 đồng.

Sau khi cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và hòa giải anh X thừa nhận vào tháng 10/2017 chị V có trả cho anh X số tiền là 2.000.000 đồng và ngày 16/01/2018, chị V có trả thêm được số tiền là 5.500.000 đồng, tổng cộng là 7.500.000 đồng, hai bên thỏa thuận trừ vào số tiền nợ gốc, nên anh X rút một phần đơn khởi kiện và yêu cầu chị V phải trả số tiền còn lại là 192.500.000 đồng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chị V thừa nhận còn nợ của anh Xí 192.500.000 đồng và từ tháng 02/2018 đến tháng 11/2018, chị V đã trả cho anh Xí tổng số tiền là 68.000.000 đồng. Theo anh X, cho rằng số tiền này là tiền lãi mà chị V phải trả theo giấy vay tiền viết vào ngày 22/9/2016. Do đó, anh X yêu cầu vợ chồng chị V phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc còn lại là 192.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh V trình bày: Do có có mối quan hệ xóm giềng nên vào tháng 02/2016, chị có vay của vợ chồng anh Đoàn X số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi là 3.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 9/2016, chị V tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 2.000.000 đồng/tháng. Tổng cộng chị V đã vay của vợ chồng anh Đoàn X 150.000.000 đồng, nên ngày 22/6/2016 chị V đã viết Giấy vay của anh X số tiền trên và thỏa thuận lãi suất là 5.000.000 đồng/tháng. Chị V vẫn trả lãi đầy đủ cho anh X. Trước đó, vào ngày 20/7/2016, chị V có vay của bà Trần Thị S là mẹ của anh X số tiền là 50.000.000 đồng thỏa

thuận tiền lãi là 2.000.000 đồng/tháng, chị V có trả được tiền lãi của một vài tháng nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu. Ngày 17/8/2017, bà S cho anh Đoàn X số tiền là 50.000.000 đồng mà bà đã cho chị V vay. Chị V đồng ý với sự chuyển đổi này, do đó chị đã viết lại giấy mượn tiền có nội dung chị V nợ anh X với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, hẹn ngày 23/8/2017 sẽ trả và không thỏa thuận lãi suất. Số tiền chị V vay của anh X và bà S, chồng chị V là anh Hồ Đắc P không hề hay biết, mục đích chị V vay tiền là để cho mẹ của chị V cho bà con mượn tiền làm ăn.

Vào tháng 10/2017, anh X có đến nhà chị V đòi nợ nhưng do chưa có tiền trả nên anh X cùng chị V đem chiếc ti vi trong nhà của chị đi bán được 2.000.000 đồng. Sau khi anh X khởi kiện, vào ngày 16/01/2018 chị V có trả thêm cho anh X số tiền 5.500.000 đồng và thỏa thuận trừ vào số tiền nợ gốc là 7.500.000đồng, nên chị còn nợ anh Xí số tiền là 192.500.000 đồng. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, vào ngày 01/02/2018 chị đã trả cho anh X số tiền là 30.000.000 đồng; ngày 12/02/2018 trả 20.000.000 đồng; ngày 09/3/2018 trả 2.000.000 đồng; từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2018, chị V trả cho anh X 16.000.000 đồng. Tổng cộng chị đã trả cho anh X số tiền 68.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng chị V chỉ còn nợ vợ chồng anh X số tiền nợ gốc là 124.500.000 đồng Chị V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh X về việc buộc vợ chồng chị V phải trả nợ nợ gốc là 192.500.000 đồng mà chỉ chấp nhận số tiền nợ gốc còn lại là 124.500.000 đồng vì theo chị V căn cứ vào giấy mượn tiền được viết ngày 17/8/2017 không thỏa thuận về lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Lê Thị T tham gia tố tụng với nguyên đơn trình bày: chị biết việc chị Nguyễn Thị Thanh V mượn tiền của chồng chị, chuyện tiền bạc trong nhà do chồng quản lý nên chị T cũng không có ý kiến gì. Về số tiền 68.000.000 đồng mà chị V đã trả, chị T thừa nhận chị V có gọi điện thoại xin trả tiền và cho trừ vào nợ gốc nhưng chị T không đồng ý vì số tiền chị V trả 2.000.000 đồng/tháng không đủ cho vợ chồng chị T trả tiền lãi của số tiền nợ gốc mà chị V đã vay. Nay anh X khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị V trả một lần số tiền nợ gốc là 192.500.000 đồng và không tính lãi thì chị T hoàn toàn thống nhất với ý kiến của anh X

- Anh Hồ Đắc P tham gia tố tụng với phía bị đơn trình bày: Anh không biết về việc vay mượn tiền giữa chị V và anh X. Theo anh, khoản tiền chị V đã vay của anh X là phục vụ cho việc làm ăn với mẹ của chị V. Anh P thống nhất với ý kiến của chị V về số tiền nợ gốc chưa trả và đồng ý sẽ cùng chị V trả nợ cho anh

X. Anh P không có yêu cầu độc lập, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn X đối với số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) trong tổng số tiền nợ gốc ở đơn khởi kiện là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Đoàn X, bác một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 68.000.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng) là tiền lãi chậm trả trong tổng số tiền nợ gốc còn lại là 192.500.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng): Buộc chị Nguyễn Thị Thanh V và anh Hồ Đắc P có nghĩa vụ trả một lần số tiền nợ gốc là 124.500.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm đồng) cho anh Đoàn X và chị Lê Thị T.

3. Về án phí: Buộc anh Đoàn X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.400.000 đồng (Ba triệu, bốn trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đoàn X đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003794 ngày 04/12/2017. Hoàn trả cho anh Đoàn X số tiền chênh lệch án phí là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.225.000 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quy định về việc thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2018, nguyên đơn ông Đoàn X có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang.

Tại phiên tòa phúc thẩm,nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn vẫn giữ yêu cầu của mình. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đồng thời chị V cung cấp thêm 05 Giấy chuyển tiền từ tháng 12/2018 cho đến tháng 4/2019 cho anh X với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Anh X thừa nhận đã nhận số tiền trên và cho rằng chị V trả tiền lãi chứ không phải trả tiền nợ gốc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến cho rằng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các bên đương sự đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Người kháng cáo đã tiến hành đầy đủ thủ tục kháng cáo theo quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết tại cấp phúc thẩm.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh V phải trả số tiền 200.000.000 đồng theo *Giấy mượn tiền* lập ngày 17/8/2017. Xét nội dụng *Giấy mượn tiền* trên là do chị Vy vay tiền nhiều lần của anh Đoàn X với tổng số tiền là 200.000.000 đồng nên chị đã tự nguyện viết, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị thừa nhận toàn bộ nội dung của *Giấy mượn tiền* là hoàn toàn đúng. Do đó, *Giấy mượn tiền* trên là thỏa thuận cuối cùng của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tại thời điểm xác lập (viết giấy). Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ chị V không trả tiền cho anh X theo như thỏa thuận, nên anh X khởi kiện yêu cầu chị V phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự là có căn cứ.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo đối với số tiền 68.000.000 đồng thấy rằng: Theo đơn khởi kiện vào ngày 04/12/2017 anh Đoàn X yêu cầu chị V cùng chồng

là anh Hồ Đắc P phải trả cho vợ chồng anh số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án, các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận vào tháng 10/2017 anh X cùng chị V đã lấy chiếc ti vi trong nhà của chị V đem bán được 2.000.000 đồng và sau khi anh X khởi kiện, vào ngày 16/01/2018 chị V có trả thêm cho anh Xí số tiền 5.500.000 đồng, tổng số tiền trên các bên đương sự thỏa thuận là trừ vào số tiền nợ gốc. Như vậy, tại cấp sơ thẩm anh X không yêu cầu tính lãi suất và số tiền chị V đã trả trước và trong thời gian anh X khởi kiện được trừ vào số nợ gốc, do đó anh X đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền chị V đã trả là 7.500.000 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần rút yêu cầu này là có căn cứ.

Đối với số tiền 68.000.000 đồng các bên đương sự thỏa thuận chị V đã trả cho anh X trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cụ thể như sau: Ngày 01/02/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 12/02/2018 trả 20.000.000 đồng; ngày 09/3/2018 trả 2.000.000 đồng; từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2018, chị V trả cho anh X 16.000.000 đồng. Xét thấy: *Giấy mượn tiền* mà chị V viết ngày 17/8/2017, thời hạn trả tiền vào ngày 23/8/2017 và các bên không có thỏa thuận lãi suất. Theo khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định *"Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả,* ***trừ trường hợp có thỏa thuận khác*** *hoặc luật có quy định khác"*. Như vậy, đến thời điểm trả nợ chị V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ban đầu anh X không yêu cầu tính lãi suất, đồng thời số tiền 7.500.000 đồng chị V đã trả cho anh X sau thời hạn thỏa thuận trả nợ và anh X tự nguyện trừ vào số tiền nợ gốc, sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Đây được coi là thỏa thuận khác của các đương sự theo khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó theo khoản 2 Điều 3 của Bộ luật dân sự quy định: *"2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng"*.. Vì vậy, số tiền 68.000.000 đồng chị V trả cho anh X là trả vào số nợ gốc, do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh X đối với số tiền trên là tiền lãi chậm trả trong tổng số tiền nợ gốc là phù hợp với luật.

[2.3] Xét kháng cáo của anh X về việc anh không nhận được Thông báo số 41/2018 ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang. Sau khi xem xét hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã có Thông báo số 41/2018 ngày 22/3/2018 gửi anh Đoàn X yêu cầu anh làm Đơn khởi kiện bổ sung và nộp tạm ứng án phí bổ sung đối với yêu cầu này. Anh Đoàn X đã nhận được và đã trình bày tại Bản tự khai ngày 29/3/2018 (bút lục số 35). Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo này của anh Đoàn X.

Từ những nhận định trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định số tiền 68.000.000 đồng mà chị V đã trả cho anh X được trừ vào số tiền nợ gốc và không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn X là có căn cứ. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Đoàn X, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế theo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3]. Ngoài ra, các bên đương sự còn thừa nhận từ tháng 12/2018 đến tháng 4/2019 chị V đã chuyển trả cho anh X thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, anh X cho rằng đây là số tiền chị V trả lãi cho anh X như đã thỏa thuận; còn về phía chị V vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với số tiền này, nếu xãy ra tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết trong quá trình thi hành án hoặc giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đoàn X phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2018/DS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Đoàn X phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà anh X đã nộp theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003999 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Vang. Anh X đã nộp đủ án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện Phú Vang;
- THA huyện Phú Vang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TKT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG CAO SƠN